

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **171/2021/DS-ST**

Ngày: 27 - 12 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản (thịt heo)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Hứa Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (thịt heo), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà T. Địa chỉ ĐKKHKT: tỉnh Hậu Giang. Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ P - ấp A1, xã B1, huyện C1, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông T1. Địa chỉ ĐKKHKT: tỉnh Hậu Giang. Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ P - ấp A1, xã B1, huyện C1, tỉnh Sóc Trăng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/6/2021) (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà N. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T (do ông T1 là người đại diện hợp pháp) trình bày: Cách đây khoảng 25 năm vào khoảng năm 1996-1997, bà T có kinh doanh mua

bán thịt heo, bà N là khách hàng có lấy thịt heo của bà T để đem về bán lại kiếm lời và còn nợ tiền mua thịt heo của bà T với số tiền là 31.779.000đồng. Do hai bên là chỗ quen biết, làm ăn với nhau thời gian dài, nên việc mua bán thịt heo giữa hai bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không có lập sổ sách, giấy tờ gì để đối chiếu tiền nợ phát sinh từ việc mua bán thịt heo; bà T có lập 01 cuốn sổ để theo dõi số tiền nợ của bà N nhưng chỉ do bà T tự lập để theo dõi chứ bà N không có ký vào cuốn sổ này và cũng không có ký sổ sách, giấy tờ gì khác thừa nhận có nợ tiền mua thịt heo của bà T. Sau này, bà N có trả cho bà T số tiền 1.000.000đồng, còn nợ lại 30.779.000đồng.

Bà T có tham gia buổi hòa giải do Tổ hòa giải ấp A, xã B, huyện C tổ chức ngày 07/3/2021, nội dung ghi nhận trong Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 07/3/2021 là đúng diễn biến buổi hòa giải, lời trình bày của bà T và bà N, nhưng cũng có một số vấn đề hai bên có trình bày ở ngoài mà tổ hòa giải chưa có ghi vào biên bản. Tại buổi hòa giải này bà N thừa nhận có nợ tiền mua thịt heo của bà T, nhưng bà N cho rằng khi tính toán số tiền nợ này thì bà T phải khấu trừ lại cho bà N 03 khoản tiền, bao gồm:

- + Số tiền hụi 4.000.000đồng đối với dây hụi ngày 20.000đồng mà bà N tham gia chơi, do vợ ông S làm chủ hụi. Hụi này do bà N chơi và trực tiếp đóng hụi chứ không phải do bà N đưa tiền cho bà T đóng hụi và đứng tên như bà N đã trình bày. Vợ ông S (không rõ họ tên) cũng biết rõ việc bà T hốt số tiền hụi 4.000.000đồng của bà N để trừ nợ tiền mua thịt heo.

- + Số tiền 4.500.000đồng mà bà N gom tiền thịt heo giao lại cho bà T.

- + Số tiền 1.000.000đồng mua heo nặng 100kg (giá 10.000đồng/kg), do bà N đứng ra mua để chị em cùng bán ra kiếm lời, nhưng sau khi mổ heo xong thì bà T không giao thịt heo cho bà N bán cũng không trả lại tiền bỏ ra để mua con heo. Khi đó bà N chỉ mua 01 con heo nặng 100kg và có giá khoảng 1.000.000đồng chứ không phải là 01 con heo hay 02 con heo nặng 238kg và có giá khoảng 10.000.000đồng như bà N đã trình bày.

Do bà N nợ tiền mua thịt heo của bà T quá nhiều nên bà N đồng ý cho bà T hốt số tiền hụi 4.000.000đồng và đồng ý cho bà T giữ lại số tiền gom tiền thịt heo 4.500.000đồng và số tiền bỏ ra để mua heo 1.000.000đồng.

Bà N thừa nhận có nợ tiền mua thịt heo của bà T là 30.779.000đồng, nhưng sau khi khấu trừ lại 03 khoản tiền nêu trên thì bà N chỉ còn nợ bà T khoảng hai mươi mấy triệu đồng, từ đó Tổ hòa giải mới ghi nội dung này vào Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 07/3/2021. Sự việc tính toán, khấu trừ lại 03 khoản tiền nêu trên tuy hai bên trình bày ở ngoài và không có ghi vào biên bản nhưng các thành viên Tổ hòa giải ai cũng nắm. Tại Biên bản lấy khai ngày 26/8/2021 bà N cũng thừa nhận nợ tiền mua thịt heo của bà T là 21.000.000đồng thì nay bà T cũng thống nhất và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà T số tiền còn nợ là 21.000.000đồng.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2021 bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà T số tiền mua thịt heo còn nợ là 30.779.000đồng. Tuy nhiên, tại

buổi lấy khai ngày 25/10/2021 và phiên hòa giải ngày 06/12/2021 bà T (do ông T1 là người đại diện hợp pháp) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà T số tiền mua thịt heo còn nợ là 21.000.000đồng, đối với khoản tiền chênh lệch 30.779.000đồng - 21.000.000đồng = 9.779.000đồng thì xin rút lại.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà N trình bày:*
Bà N vẫn giữ nguyên lời trình bày tại Biên bản lấy khai ngày 26/8/2021 trong vụ án mà TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thụ lý, giải quyết trước đây. Bà N có tham gia buổi hòa giải do Tổ hòa giải ấp A, xã B, huyện C tổ chức ngày 07/3/2021, nội dung ghi nhận trong Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 07/3/2021 là đúng diễn biến buổi hòa giải, lời trình bày của bà N và bà T, tuy bà N không biết chữ nhưng chữ ký tên “N” trong Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 07/3/2021 đúng là do bà N ký. Trong số các thành viên Tổ hòa giải ấp A, xã B, huyện C thì chỉ có vợ ông K là có quan hệ bà con với ông T1, còn các thành viên còn lại không có bà con, thân thích gì với bà T, ông T1 và cũng không có mâu thuẫn, xích mích gì với bà N. Các nội dung trong Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 07/3/2021 do bà N tự nguyện trình bày, chứ không có bị ai ép buộc.

Cách đây khoảng 25 năm vào khoảng năm 1996-1997, bà N có lấy thịt heo của bà T để đem về bán lại kiếm lời. Do hai bên là chỗ quen biết, làm ăn với nhau thời gian dài, nên việc mua bán thịt heo giữa hai bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không có lập sổ sách, giấy tờ gì để đối chiếu tiền nợ phát sinh từ việc mua bán thịt heo; bà N cũng không có ký sổ sách, giấy tờ gì thừa nhận có nợ tiền mua thịt heo của bà T; việc bà T có tự lập sổ sách, giấy tờ gì để theo dõi tiền nợ phát sinh từ việc mua bán thịt heo thì bà N không rõ, nhưng nếu có thì bà N cũng không thừa nhận vì không có sự đối chiếu, ký nhận nợ của bà N mà do bà T tự lập thì không có giá trị.

Số tiền 30.779.000đồng theo yêu cầu của bà T là do bà T tự đưa ra, bà N không thừa nhận. Bà N chỉ thừa nhận vào thời điểm cách đây khoảng 25 năm thì bà N có nợ bà T số tiền mua thịt heo là 21.000.000đồng, nhưng số tiền này tại thời điểm đó bà N và bà T đã tính toán nợ nần với nhau xong, không còn ai nợ ai nữa. Cụ thể:

+ Bà N có nhờ bà T tham gia chơi 02 chân hụi trong dây hụi ngày 20.000đồng, có 100 người tham gia chơi, bà N đưa tiền cho bà T đóng hụi và đứng tên đối với 02 chân hụi, sau đó bà T hốt được số tiền hụi là 4.000.000đồng nhưng không giao lại cho bà N; việc chơi hụi này đã quá lâu nên bà N cũng không còn nhớ rõ hết sự việc.

+ Bà N có gom tiền thịt heo được 4.500.000đồng giao lại cho bà T.

+ Vào thời điểm cận tết bà N có đứng ra mua heo nặng 238kg giá khoảng 10.000.000đồng, trước phiên tòa sơ thẩm bà N trình bày là 01 con heo nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà N xác định lại là 02 con heo, giao cho bà T mổ để chị em cùng bán ra kiếm lời, nhưng sau khi mổ heo xong thì bà T không giao thịt heo cho bà N bán cũng không trả lại tiền bỏ ra để mua heo.

Việc bà T không giao tiền hụi, tiền gom thịt heo và tiền mua heo cho bà N với mục đích là để trừ tiền nợ mua bán thịt heo 21.000.000đồng nêu trên. Bà N có nói với bà T là bà N thiếu tiền thì từ từ bà N sẽ trả nhưng bà T nói “*mày nghèo cục đất còn không có thì tiền đâu trả cho tao*”, “*của đồ thì tao hốt lại*”, ý của bà T tức là lấy tiền hụi, tiền gom thịt heo và tiền mua heo để trừ nợ, sau này sẽ không ai nợ ai nữa. Kể từ thời điểm đó cho đến nay đã quá lâu nhưng bà T không lần nào đề cập đến việc nợ nần này với bà N, trong khi hai bên thực tế đã tính toán nợ nần với nhau xong hết, nay bà T kiện bà N ra Tòa án là không đúng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà T về việc đòi bà N trả cho bà T số tiền còn nợ là 21.000.000đồng thì bà N không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T (do ông T1 là người đại diện hợp pháp) vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã được thay đổi một phần của bà T, giải quyết buộc bà N trả cho bà T số tiền mua thịt heo còn nợ là 21.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà T số tiền mua thịt heo còn nợ là 30.779.000đồng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (thịt heo) là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà N cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vắng mặt nhưng có ông T1 là người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2021 bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà T số tiền mua thịt heo còn nợ là 30.779.000đồng. Tuy nhiên, tại buổi lấy khai ngày 25/10/2021 và phiên hòa giải ngày 06/12/2021 bà T (do ông

T1 là người đại diện hợp pháp) rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà T số tiền mua thịt heo còn nợ là 21.000.000đồng (*trùng khớp với việc rút lại yêu cầu đối với số tiền là 9.779.000đồng*). Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà bà T đã rút này.

[5] Quá trình giải quyết vụ án trước đây theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 65/2021/QĐST-DS ngày 30/8/2021, TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã có tiến hành xác minh, thu thập một số tài liệu. Xét thấy, các tài liệu này có liên quan đến vụ án này, đã được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án hoặc do Tòa án thu thập được theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án trước đây và phù hợp với quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên các tài liệu này tiếp tục được TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng sử dụng làm chứng cứ khi giải quyết vụ án này.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và bà N thống nhất thừa nhận về các tình tiết, sự kiện sau: Cách đây khoảng 25 năm vào khoảng năm 1996-1997, bà T có kinh doanh mua bán thịt heo, bà N là khách hàng có lấy thịt heo của bà T để đem về bán lại kiếm lời, việc mua bán thịt heo chỉ thỏa thuận miệng chứ không có lập sổ sách, giấy tờ gì để đối chiếu tiền nợ phát sinh từ việc mua bán thịt heo, bà N cũng không có ký sổ sách, giấy tờ gì khác thừa nhận có nợ tiền mua thịt heo của bà T. Sau khi hai bên phát sinh tranh chấp về việc bà T yêu cầu bà N trả cho bà T số tiền mua thịt heo còn nợ là 30.779.000đồng thì Tổ hòa giải ấp A, xã B, huyện C có tiến hành hòa giải vào ngày 07/3/2021 nhưng không thành, nội dung ghi nhận trong Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 07/3/2021 là đúng diễn biến buổi hòa giải, lời trình bày của hai bên. Bà T và bà N cũng thống nhất thừa nhận thực tế có xảy ra sự việc khấu trừ 03 khoản tiền gồm số tiền hụi 4.000.000đồng đối với dây hụi ngày 20.000đồng do vợ ông S làm chủ hụi (*gọi tắt là số tiền hụi 4.000.000đồng*), số tiền 4.500.000đồng mà bà N gom tiền thịt heo giao lại cho bà T (*gọi tắt là số tiền gom tiền thịt heo 4.500.000đồng*) và số tiền mua heo do bà N đứng ra mua để chị em cùng bán ra kiếm lời, nhưng sau khi mổ heo xong thì bà T không giao thịt heo cho bà N bán cũng không trả lại tiền bỏ ra để mua con heo (*gọi tắt là số tiền mua heo*). Sự thừa nhận của bà T và bà N về các vấn đề nêu trên là các tình tiết, sự kiện mà các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Về tiền gốc: Tuy đã thống nhất thừa nhận về các tình tiết, sự kiện có liên quan đến hợp đồng mua bán thịt heo như đã nêu trên nhưng về vấn đề bà N nợ tiền mua thịt heo của bà T thì bà T và bà N vẫn chưa thống nhất. Bà T cho rằng bà N nợ bà T 30.779.000đồng, sau khi khấu trừ 03 khoản tiền gồm số tiền hụi 4.000.000đồng, số tiền gom tiền thịt heo 4.500.000đồng và số tiền mua heo khoảng 1.000.000đồng (*01 con heo nặng 100kg với giá 10.000đồng/kg*), tổng cộng là khoảng 9.500.000đồng thì bà N còn nợ bà T khoảng 21.000.000đồng, nay bà T yêu cầu bà N trả cho bà T số tiền là 21.000.000đồng; việc bà N nợ bà T

30.779.000đồng, sau khi khấu trừ 03 khoản tiền nêu trên thì còn nợ khoảng 21.000.000đồng là do hai bên tự tính toán, khấu trừ tại buổi hòa giải ngày 07/3/2021 trước sự chứng kiến của các thành viên Tổ hòa giải ấp A, xã B, huyện C mặc dù không được ghi vào biên bản, từ đó trong Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 07/3/2021 bà N mới thừa nhận còn nợ bà T hai mươi mấy triệu, hai mươi mấy triệu ở đây là khoảng 21.000.000đồng. Còn theo bà N thì số tiền nợ 30.779.000đồng là do bà T tự đưa ra, bà N không thừa nhận; trước đây đúng là bà N có nợ bà T 21.000.000đồng, nhưng sau khi khấu trừ 03 khoản tiền gồm số tiền hụi 4.000.000đồng, số tiền gom tiền thịt heo 4.500.000đồng và số tiền mua heo khoảng 10.000.000đồng (*trước phiên tòa sơ thẩm trình bày là 01 con heo nặng 238kg nhưng tại phiên tòa sơ thẩm xác định lại là 02 con heo nặng 238kg*), tổng cộng là khoảng 18.500.000đồng thì tuy chưa đủ với số tiền mua thịt heo là 21.000.000đồng nhưng giữa hai bên xem như đã tự tính toán nợ nần với nhau xong, sau này sẽ không ai nợ ai nữa, sau đó còn có một khoảng thời gian chừng 2-3 năm bà N có cho bà T ăn bún không lấy tiền để trừ nợ số tiền vài triệu đồng còn lại, nay bà N không đồng ý trả số tiền là 21.000.000đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Như vậy, bà T cho rằng bà N nợ bà T 30.779.000đồng, sau khi khấu trừ 03 khoản tiền thì còn nợ khoảng 21.000.000đồng; còn theo bà N thì bà N chỉ nợ bà T 21.000.000đồng, sau khi khấu trừ 03 khoản tiền thì bà N không còn nợ bà T nữa.

[8] Xét thấy, hợp đồng mua bán thịt heo giữa bà T và bà N chỉ thỏa thuận miệng chứ không có lập sổ sách, giấy tờ gì theo dõi, việc khấu trừ 03 khoản tiền vào số tiền mua thịt heo mà bà N nợ bà T cũng chỉ là thỏa thuận miệng chứ không có lập giấy tờ, tài liệu gì để chứng minh; tất cả các vấn đề hai bên trình bày nêu trên hai bên đều không xuất trình được giấy tờ, tài liệu gì để cho Tòa án xem xét. Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 07/3/2021 bà N thừa nhận *“Tôi đồng ý thừa nhận là trước đây tôi lấy thịt heo của bà T để bán lại, đến nay còn thiếu tiền của bà T số tiền là hai mươi mấy triệu đồng tôi không nhớ rõ...”*. Tại Biên bản xác minh ngày 28/10/2021 (BL số 38, 39) ông X là thành viên của Tổ hòa giải ấp A, xã B, huyện C tham gia buổi hòa giải ngày 07/3/2021 xác nhận: *Tại buổi hòa giải ngày 07/3/2021 bà T yêu cầu bà N trả tiền mua thịt heo còn thiếu cụ thể là 30.779.000đồng, bà N thừa nhận có mua thịt heo từ bà T để bán lại và còn thiếu số tiền khoảng hai mươi mấy triệu đồng, không nhớ rõ con số cụ thể. Tại buổi hòa giải này, giữa bà T và bà N có nêu ý kiến về một số khoản tiền mà bà N yêu cầu bà T phải trừ ra cho bà N như tiền hụi do bà N chơi mà bà T hốt để trừ nợ tiền mua thịt heo; tiền bà N bắt con heo về giao cho bà T mổ nhưng sau khi mổ bà T không giao thịt heo cũng không trả tiền mua con heo lại cho bà N... Số tiền này là bao nhiêu thì không rõ, nhưng sau khi trừ ra xong thì bà N mới thừa nhận là còn thiếu bà T hai mươi mấy triệu đồng, chứ không phải hai mươi mấy triệu đồng này có các khoản mà bà N yêu cầu bà T phải trừ lại ở trong đó. Về con heo thì lúc đó bà N chỉ tính con heo nặng khoảng 100kg với giá 10.000đồng/kg ra giá là 1.000.000đồng. Sau đó Tổ hòa giải có động viên nhưng bà N kiên quyết không trả tiền cho bà T mặc dù đã thừa nhận có thiếu hai mươi mấy triệu đồng. Bà N thừa nhận nội dung Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 07/3/2021 ghi nhận đúng diễn biến buổi hòa giải, lời trình bày của bà T và bà N; ông Khởi chỉ là người phụ trách hòa giải tại địa*

phương chứ không có mâu thuẫn, xích mích gì với bà N, nên sự xác nhận của ông Khởi có giá trị làm chứng cứ khi giải quyết vụ án này; hơn nữa nội dung biên bản tại phần ghi nhận lời trình bày của bà N ghi rõ “*Tôi đồng ý thừa nhận... đến nay còn thiếu tiền của bà T số tiền là hai mươi mấy triệu đồng tôi không nhớ rõ...*” và tại phần kết quả hòa giải ghi rõ ý kiến của Tổ hòa giải là “*Qua ý kiến hai bên, tổ hòa giải phân tích cho hai bên thấy rõ đúng, sai và động viên hai bên nên trao đổi thỏa thuận để đi đến thống nhất, vì bà N thừa nhận còn thiếu tiền bà T thì phải có trách nhiệm trả số tiền còn thiếu*”, thể hiện số tiền hai mươi mấy triệu đồng (21.000.000đồng) mà bà N thừa nhận nợ của bà T là số tiền mà bà N còn nợ bà T sau khi đã tính toán, khấu trừ 03 khoản tiền gồm số tiền hui, số tiền gom tiền thịt heo và số tiền mua heo. Hơn nữa, bà N cũng không có bất kì tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Từ đó, căn cứ vào sự thừa nhận của bà N, sự xác nhận của ông X và nội dung Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 07/3/2021 nêu trên đã có đủ cơ sở khẳng định lời trình bày của bà T về việc bà N nợ số tiền mua thịt heo của bà T 30.779.000đồng, sau khi khấu trừ 03 khoản tiền gồm số tiền hui, số tiền gom tiền thịt heo và số tiền mua heo thì bà N còn nợ bà T khoảng 21.000.000đồng là đúng sự thật, nên có căn cứ chấp nhận; lời trình bày của bà N về việc bà N nợ số tiền mua thịt heo của bà T 21.000.000đồng, sau khi khấu trừ 03 khoản tiền gồm số tiền hui, số tiền gom tiền thịt heo và số tiền mua heo thì bà N không còn nợ bà T nữa là không đúng sự thật, nên không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền mua thịt heo còn nợ là 21.000.000đồng theo quy định tại các Điều 421, 431 Bộ luật Dân sự năm 1995 (tương ứng là các Điều 428, 438 Bộ luật Dân sự năm 2005, các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015).

[9] Về tiền lãi: Theo nội dung yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, bà T không yêu cầu bà N phải trả tiền lãi đối với số tiền mua thịt heo còn nợ, đây là sự tự nguyện của bà T và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề tiền lãi.

[10] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền mua thịt heo còn nợ là 21.000.000đồng; đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đã rút lại về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà T số tiền mua thịt heo còn nợ là 9.779.000đồng.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm; bà N phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng trên số tiền phải trả cho bà T là 21.000.000đồng x 5% = 1.050.000đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 421, 431 Bộ luật Dân sự năm 1995 (tương ứng là các Điều 428, 438 Bộ luật Dân sự năm 2005, các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015); điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà T số tiền mua thịt heo còn nợ.

Buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền mua thịt heo còn nợ là 21.000.000đồng (*Hai mươi một triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đã rút lại về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà T số tiền mua thịt heo còn nợ là 9.779.000đồng.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm. Bà N phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 1.050.000đồng (*Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt